

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PRGDPL TỈNH QUẢNG NINH
SỞ TƯ PHÁP - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC



HỎI - ĐÁP

MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ NHÀ Ở, ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT,
NƯỚC SINH HOẠT CHO NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ



QUẢNG NINH-2025

**HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN,
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TỈNH QUẢNG NINH
SỞ TƯ PHÁP – CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC**

HỎI – ĐÁP

**MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ NHÀ
Ở, ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC
SINH HOẠT CHO NGƯỜI DÂN TỘC
THiểu SỐ**

QUẢNG NINH - 2025

LỜI NÓI ĐẦU

Phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi luôn là chủ trương lớn và xuyên suốt của Đảng và Nhà nước. Đây không chỉ là nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, mà còn là yêu cầu chính trị quan trọng nhằm bảo đảm công bằng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị và phát triển bền vững đất nước.

Trong bối cảnh đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn nhiều khó khăn, điều kiện nhà ở chưa đảm bảo, thiếu đất ở, đất sản xuất, việc ban hành và triển khai các chính sách hỗ trợ về đất đai, nhà ở, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây vừa là giải pháp thiết thực để cải thiện điều kiện sống, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân, vừa góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, thúc đẩy phát triển toàn diện vùng dân tộc thiểu số.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, Bộ Dân tộc và Tôn giáo đã ban hành Thông tư số 05/2025/TT-BD TTG, hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021–2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 05/2025/TT-BD TTG). Thông tư tập trung quy định về hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số theo phong tục, tập quán địa phương, nhằm bảo đảm mỗi hộ dân đều có nơi ở ổn định, phù hợp điều kiện tự nhiên và văn hóa truyền thống, tạo nền tảng cho phát triển bền vững.

Để góp phần đưa chính sách vào cuộc sống một cách hiệu quả, Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh tổ chức biên soạn cuốn sách bỏ túi: ***“Hỏi - đáp một số quy định về hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho người dân tộc thiểu số”***. Cuốn sách gồm 02 phần và 01 phụ lục:

- Phần thứ nhất: Giới thiệu chung về Thông tư số 05/2025/TT-BDTTG;

- Phần thứ hai: Hỏi - đáp một số quy định về hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho người dân tộc thiểu số thuộc Dự án 1, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030¹.

- Phụ lục 01: Tổng hợp văn bản hướng dẫn Thông tư số 05/2025/TT-BDTTG.

¹ Chương trình theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025); Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Trân trọng giới thiệu và rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của bạn đọc !

Quảng Ninh, tháng 10 năm 2025

BAN BIÊN TẬP

Phần thứ nhất
GIỚI THIỆU CHUNG VỀ THÔNG TƯ
SỐ 05/2025/TT-BD TTG

I. Mục đích, ý nghĩa của Thông tư số 05/2025/TT-BD TTG:

Thông tư số 05/2025/TT-BD TTG do Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành ngày 24 tháng 6 năm 2025 nhằm hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Việc ban hành Thông tư xuất phát từ yêu cầu cấp thiết của thực tiễn: hiện nay, tại nhiều địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số, một bộ phận lớn hộ nghèo chưa có nhà ở kiên cố, còn sống trong điều kiện tạm bợ, thiếu an toàn, ảnh hưởng trực

tiếp đến chất lượng cuộc sống, sức khỏe, an sinh xã hội và sự phát triển bền vững của cộng đồng.

Thông tư này hướng dẫn thực hiện Dự án 1; Dự án 2; Nội dung số 01 và Nội dung số 03, Tiểu dự án 2 Dự án 3; Tiểu Dự án 1, Tiểu Dự án 2 Dự án 4; Tiểu Dự án 2, Tiểu Dự án 4 Dự án 5; Tiểu Dự án 1, Tiểu Dự án 2 Dự án 9; Nội dung số 01 và Nội dung số 02 Tiểu Dự án 1, Tiểu Dự án 2, Tiểu Dự án 3 Dự án 10 thuộc Chương trình theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây viết tắt là Quyết định số 1719/QĐ-TTg); Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về điều

chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

II. Bố cục và nội dung của Thông tư số 05/2025/TT-BD TTG:

Thông tư số 05/2025/TT-BD TTG có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Thông tư có 09 chương và 86 điều, cụ thể như sau:

- Chương I (Những quy định chung) gồm 03 điều (từ Điều 1 đến Điều 3) về: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; Nguyên tắc thực hiện.

Thông tư áp dụng đối với các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo

sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn; các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc nằm trong và ngoài danh mục địa bàn xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định hiện hành, ưu tiên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia thực hiện Chương trình.

- Chương II (Hướng dẫn thực hiện dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt) gồm 09 điều (từ Điều 4 đến Điều 12), quy định về đối tượng, nội dung hỗ trợ và cách thức thực hiện việc hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt.

- Chương III (Hướng dẫn thực hiện dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định

dân cư ở những nơi cần thiết) gồm 04 điều (từ Điều 13 đến Điều 16), quy định về: đối tượng, nguyên tắc thực hiện, nội dung hỗ trợ, tổ chức triển khai thực hiện.

- Chương IV (Hướng dẫn thực hiện nội dung số 01, nội dung số 03 thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 3) gồm 13 điều (từ Điều 17 đến Điều 29), cụ thể:

Đối với Nội dung 01: hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, Thông tư hướng dẫn về nguyên tắc thực hiện; Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng do các Bộ, cơ quan trung ương tổ chức thực hiện; Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ và hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù; Phân bổ, quản lý, thanh quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước; Tổ chức triển khai thực hiện.

Đối với Nội dung 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Thông tư hướng dẫn về đối tượng; Nguyên tắc thực hiện; Nội dung thực hiện và định mức hỗ trợ; Quy trình lập và phê duyệt kế hoạch thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư ở địa phương; Quy trình lập kế hoạch và phê duyệt kế hoạch hỗ trợ vận hành các dự án Trung tâm hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại các trường đại học; Hỗ trợ xây dựng và vận hành thí điểm các dự án “Trung tâm kết nối giao thương thương mại, du lịch và quảng bá sản vật vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” tại các tỉnh: Quảng Ninh, Lào Cai, Lâm Đồng.

- Chương V (Hướng dẫn thực hiện Nội dung số 01 thuộc Tiểu dự án 1 và Tiểu

dự án 2 trừ nhiệm vụ do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chủ trì, thực hiện của Dự án 4) gồm 08 điều (từ Điều 30 đến Điều 37), cụ thể:

Đối với Nội dung số 01 thuộc Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng Đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn, Thông tư hướng dẫn về đối tượng; Nội dung thực hiện; Nguyên tắc thực hiện; Cơ chế thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng; Duy tu, bảo dưỡng và quản lý, vận hành công trình.

Đối với Tiêu dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc, Thông tư hướng dẫn về đối tượng; Nội dung thực hiện; Tổ chức triển khai thực hiện.

- Chương VI (Hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án 2, Tiểu dự án 4 của Dự án 5) gồm 16 điều (từ Điều 38 đến Điều 53), cụ thể:

Đối với Nội dung 01 của Tiểu dự án 2 về bồi dưỡng kiến thức dân tộc, Thông tư hướng dẫn về đối tượng; Nguyên tắc bồi dưỡng; Chương trình, hình thức bồi dưỡng; Chương trình, tài liệu, chứng chỉ bồi dưỡng; Tổ chức bồi dưỡng kiến thức dân tộc; Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; Giảng viên, báo cáo viên; Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số; Quản lý, cấp chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc thiểu số; Phân bổ kinh phí, nội dung chi và mức chi.

Đối với Nội dung 02 của Tiểu dự án 2 về đào tạo đại học và sau đại học, Thông tư hướng dẫn về đối tượng; Nguyên tắc thực hiện; Phân bổ kinh phí, nội dung chi và mức chi.

Đối với Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp, Thông tư hướng dẫn về đối tượng; Nội dung thực hiện; Lập kế hoạch và thực hiện đào tạo nâng cao năng lực.

- Chương VII (Hướng dẫn thực hiện Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn) gồm 11 điều (từ Điều 54 đến Điều 64), cụ thể:

Đối với Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù, Thông tư hướng dẫn về phạm vi; Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa cơ sở hạ tầng; Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế; Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin - truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào; Hỗ trợ bảo vệ và

phát triển các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù; Hỗ trợ xây dựng mô hình nâng cao chất lượng dân số tại thôn, bản có đông đồng bào dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù sinh sống tập trung; Tổ chức triển khai thực hiện.

Đối với Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Thông tư hướng dẫn về Truyền thông, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ; Công tác tư vấn, can thiệp lồng ghép; Duy trì và triển khai Mô hình tại các xã/trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao; Tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết.

- Chương VIII (Hướng dẫn thực hiện Nội dung số 01 và Nội dung số 02, không bao gồm nhiệm vụ do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, thực hiện thuộc Tiểu dự án 1

của Dự án 10) gồm 17 điều (từ Điều 65 đến Điều 81), cụ thể:

Đối với Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, Thông tư hướng dẫn về biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Kinh phí thực hiện.

Đối với Tiểu mục 1 của Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, Thông tư hướng dẫn về đối tượng; Nguyên tắc thực hiện; Nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động; Hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Đối với Tiểu mục 2 của Nội dung số 02, Thông tư hướng dẫn về Đặt hàng cấp

một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng đồng bào thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; Quản lý và sử dụng ấn phẩm báo, tạp chí; Tổ chức triển khai thực hiện.

Đối với Tiêu mục 3 của Nội dung số 02: xây dựng báo Vietnamnet thành cơ quan truyền thông đáp ứng yêu cầu về công tác dân tộc và thông tin, tuyên truyền hiệu quả, kịp thời về đề án tổng thể và chương trình, Thông tư hướng dẫn về Nội dung thực hiện và Tổ chức triển khai thực hiện.

Đối với Tiêu mục 4 của Nội dung số 02: xây dựng tạp chí nghiên cứu dân tộc và tôn giáo điện tử, Thông tư hướng dẫn về Nội dung thực hiện và Tổ chức triển khai thực hiện.

Đối với Tiêu mục 5 của Nội dung số 02: Tuyên truyền, truyền thông vận động

nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới tham gia tổ chức, triển khai thực hiện đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia, Thông tư hướng dẫn về đối tượng; Nội dung, ngôn ngữ và hình thức thực hiện; Phương thức thực hiện.

- Chương IX (Hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) gồm 02 điều (từ Điều 82 đến Điều 83), Thông tư hướng dẫn về Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Tổ chức thực hiện các hoạt động Hội nghị, hội thảo, buổi làm việc trực tuyến của Ban Chỉ đạo Trung ương và cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ

đạo Trung ương liên quan đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

- Chương X (Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành) gồm 03 điều (từ Điều 84 đến Điều 86).

HỎI - ĐÁP MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ NHÀ Ở, ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT CHO NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

(Thực hiện Dự án 1, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030)

Dự án 1 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 tập trung vào các giải pháp đầu tư, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội để giảm nghèo nhanh và bền vững, thu hẹp khoảng cách phát triển, và nâng cao chất lượng đời sống cho đồng bào. Các hoạt động cụ thể bao gồm phát triển hạ tầng, y tế, giáo dục, đào tạo nghề, hỗ trợ sinh kế, nhà ở, đất sản xuất, và bảo tồn văn hóa.

MỤC 1: TÌM HIỂU CHUNG

Câu 1. Thế nào là “Hộ dân tộc thiểu số”?

Trả lời:

Hộ dân tộc thiểu số là hộ có chủ hộ hoặc có vợ, chồng của chủ hộ là người dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật. *(Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư 05/2025/TT-BDTTG).*

Câu 2. Thế nào là “Hộ nghèo, hộ cận nghèo”?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư 05/2025/TT-BDTTG: Hộ nghèo, hộ cận nghèo được xác định theo chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025. Cụ thể:

1. Chuẩn hộ nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

2. Chuẩn hộ cận nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới

03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

3. Chuẩn hộ có mức sống trung bình

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

4. Tiêu chí xác định người lao động có thu nhập thấp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025

Người lao động có thu nhập thấp là người lao động thuộc hộ gia đình (không bao gồm người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo):

- Khu vực nông thôn: có mức thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.250.000 đồng trở xuống.

- Khu vực thành thị: có mức thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 3.000.000 đồng trở xuống.

5. *Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, tiêu chí xác định người lao động có thu nhập thấp* thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 quy định tại khoản 2 Điều này là căn cứ để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác giai đoạn 2022 - 2025.

Câu 3: Thế nào là “Nhà ở bị đột nát, hư hỏng”?

Trả lời:

Nhà ở bị đột nát, hư hỏng là loại nhà tạm, nhà đột nát theo quy định của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện tiêu chí về nhà ở nông thôn. *(Theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư 05/2025/TT-BD TTG).*

Câu 4: “Đất sản xuất” là gì? Bao gồm các loại đất nào?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư 05/2025/TT-BD TTG, đất sản xuất là đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Đất đai năm 2024.

Bao gồm các loại đất sau đây:

- Đất trồng cây hằng năm, gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác;

- Đất trồng cây lâu năm;
- Đất lâm nghiệp, gồm đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất;
- Đất nuôi trồng thủy sản;
- Đất chăn nuôi tập trung;
- Đất làm muối;
- Đất nông nghiệp khác.

Câu 5: Thế nào là “Hộ thiếu đất sản xuất”?

Trả lời:

Hộ thiếu đất sản xuất là hộ thiếu trên 50% diện tích đất sản xuất theo định mức quy định của địa phương. *(Theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư 05/2025/TT-BDTT).*

Câu 6: Thế nào là “Nước sinh hoạt hợp vệ sinh”?

Trả lời:

Nước sinh hoạt hợp vệ sinh là nước không màu, không mùi, không vị, không chứa các thành phần có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, có thể dùng để ăn uống sau khi đun sôi. *(Theo quy định tại khoản 8 Điều 2 Thông tư 05/2025/TT-BDTTG).*

Câu 7: Thế nào là “Địa bàn đặc biệt khó khăn ”?

Trả lời:

Địa bàn đặc biệt khó khăn bao gồm: xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. *(Theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Thông tư 05/2025/TT-BDTTG).*

MỤC 2: HỖ TRỢ ĐẤT Ở

Câu 8: Những đối tượng nào được hỗ trợ đất ở?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 4 Thông tư 05/2025/TT-BDTG, những đối tượng sau đây được hỗ trợ đất ở:

1. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa có đất ở.

2. Không hỗ trợ đất ở đối với các hộ đã nhận hỗ trợ đất ở từ các chương trình, chính sách trước đây nhưng đến nay đã chuyển nhượng, cho, tặng.

Câu 9: Nội dung hỗ trợ đất ở là gì?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 05/2025/TT-BDTT, nội dung hỗ trợ đất ở như sau:

Căn cứ quỹ đất, hạn mức giao đất ở và khả năng ngân sách của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét ban hành các quy định cụ thể làm cơ sở giao đất ở để làm nhà ở cho các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách theo quy định, đảm bảo phù hợp với điều kiện, tập quán ở địa phương và phù hợp với pháp luật về đất đai. Việc giao đất ở phải gắn phương án làm nhà ở trên diện tích đất được giao, tránh tình trạng các hộ được giao đất ở nhưng lại không có nhà ở.

Câu 10: Việc hỗ trợ đất ở được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư 05/2025/TT-BD TTG, cách thức thực hiện hỗ trợ đất ở như sau:

1. Ở những nơi có điều kiện về đất đai, chính quyền địa phương sử dụng số tiền hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật để giao đất ở cho các đối tượng được thụ hưởng;

2. Ở các địa phương không có điều kiện về đất đai, chính quyền địa phương bố trí kinh phí hỗ trợ cho người dân tự ổn định chỗ ở theo hình thức xen ghép, tự chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây viết tắt là UBND cấp xã) kiểm tra, xác định cụ thể và lập danh sách trình UBND cấp tỉnh phê duyệt hỗ trợ, đồng thời hướng

dẫn các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Câu 11: Mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ đất ở như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư 05/2025/TT-BD TTG, mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ đất ở cụ thể như sau:

1. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được quy định tại khoản 1 Điều 3 và khoản 1 Điều 4 Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai

đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Cụ thể:

- Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/hộ để tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật đất ở hoặc để người dân tự ổn định chỗ ở theo hình thức xen ghép.

- Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu 04 triệu đồng/hộ để tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật đất ở hoặc để người dân tự ổn định chỗ ở theo hình thức xen ghép.

2. Cơ chế hỗ trợ: áp dụng cơ chế đặc thù trong hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; hỗ trợ vay vốn tín dụng chính sách theo

quy định tại các Điều 8, 9, 10, 11, 12 và 13 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Cụ thể:

2.1. Cơ chế đặc thù trong hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP:

a) Sử dụng vốn đầu tư công để hỗ trợ trực tiếp bằng tiền, theo định mức cho một số đối tượng chính sách thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia để tự thực hiện đầu tư, không quản lý theo

hình thức dự án đầu tư. Tài sản hình thành sau đầu tư không là tài sản công.

b) Phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm thực hiện chính sách theo quy định Điều 6, Điều 7 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

c) Mục tiêu, nội dung, đối tượng, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước của từng chính sách thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Điều kiện, yêu cầu kỹ thuật (nếu có) của từng chính sách thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

d) Tổng hợp, rà soát, thẩm định và quyết định danh sách đối tượng hỗ trợ:

- Ủy ban nhân dân cấp xã công khai thông tin chính sách, rà soát, thẩm định, tổng hợp Danh sách đối tượng chính sách có nhu cầu được hỗ trợ đảm bảo phù hợp với nội dung, đối tượng, nguyên tắc, tiêu

chí theo quy định từng chính sách, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt danh sách đối tượng chính sách.

- Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các cơ quan liên quan ở địa phương có trách nhiệm công khai danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách, mức hỗ trợ theo từng nội dung chính sách hỗ trợ tại trụ sở làm việc.

đ) Tổ chức rút dự toán, thanh toán cho đối tượng chính sách:

Căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm được cơ quan có thẩm quyền giao, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước để thanh toán trực tiếp bằng tiền cho đối tượng chính sách theo từng lần thanh toán. Trường hợp sau 30 ngày rút dự toán chưa hoàn thành thanh toán cho đối tượng chính sách, Ủy ban nhân

dân cấp xã có trách nhiệm nộp lại Kho bạc Nhà nước số tiền chưa được thanh toán.

Việc thanh toán vốn thực hiện chính sách đất ở, đất sản xuất cho một (01) đối tượng chính sách chỉ thực hiện một lần duy nhất bằng 100% mức hỗ trợ. Việc thanh toán hỗ trợ xây mới nhà ở trong thực hiện chính sách nhà ở cho một (01) đối tượng chính sách thực hiện hai lần; thanh toán lần đầu (lần 1) sau khi đối tượng chính sách hoàn thành phần móng nhà ở, mức thanh toán tối đa không quá 70% mức hỗ trợ theo quy định; thanh toán phần còn lại của mức hỗ trợ (lần 2) sau khi đối tượng chính sách hoàn thành xây mới nhà ở.

Việc thanh toán các chính sách hỗ trợ khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiến độ, điều kiện thanh toán cho một (01) đối tượng chính sách một lần duy nhất, hoặc phân kỳ thanh toán nhưng không quá

hai (02) lần. Trường hợp phân kỳ thanh toán, thực hiện thanh toán lần đầu (lần 1) sau khi đối tượng chính sách đã hoàn thành một khối lượng công việc nhất định theo tiến độ, mức thanh toán tối đa không quá 70% mức hỗ trợ theo quy định; thanh toán phần còn lại của mức hỗ trợ (lần 2) sau khi đối tượng chính sách hoàn thành việc đầu tư.

e) Lập hồ sơ theo dõi tiến độ thực hiện chính sách và hồ sơ thanh toán cho đối tượng chính sách:

Hồ sơ theo dõi tiến độ thực hiện chính sách bao gồm: Sổ theo dõi tiến độ thực hiện của đối tượng chính sách từ thời điểm hỗ trợ lần đầu đến thời điểm hoàn thành thanh toán, quyết toán vốn hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã; bản sao (được công chứng) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất mang tên đối tượng chính sách được cơ quan có thẩm

quyền cấp, hoặc biên bản xác nhận kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ giữa Ban quản lý xã và từng đối tượng chính sách theo Mẫu số 01 kèm theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP; các tài liệu khác có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có); hồ sơ thanh toán; danh sách đối tượng chính sách ký nhận tiền hỗ trợ và chứng từ xác nhận việc thanh toán. Hồ sơ theo dõi tiến độ thực hiện chính sách được lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Hồ sơ thanh toán bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán theo Mẫu số 02, bảng kê danh sách các đối tượng chính sách và mức hỗ trợ cho hộ gia đình (có ký xác nhận của đối tượng chính sách, hoặc người được đối tượng chính sách ủy quyền, hoặc chủ hộ gia đình) theo Mẫu số 03 kèm theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP; kế hoạch

đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm được cấp có thẩm quyền giao, danh sách các đối tượng chính sách được hỗ trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hồ sơ thanh toán được lập thành 02 bộ, 01 bộ gửi Kho bạc Nhà nước để rút dự toán thanh toán cho đối tượng chính sách; 01 bộ lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện đầu tư của các đối tượng chính sách. Trường hợp đến hết giai đoạn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, đối tượng chính sách đã nhận thanh toán lần đầu nhưng chưa thực hiện các thủ tục thanh toán phần còn lại theo định mức, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản đến đối tượng chính sách yêu cầu thực hiện các thủ tục nghiệm thu kết quả đầu tư, làm thủ tục thanh toán vốn còn lại của mức hỗ trợ theo quy định.

Sau ba (03) lần thông báo, đối tượng chính sách không thực hiện các thủ tục nghiệm thu kết quả đầu tư, thanh toán vốn hỗ trợ còn lại, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quyết toán số tiền đã thanh toán; không thanh toán số tiền hỗ trợ còn lại (nếu có) của đối tượng chính sách.

2.2. Hỗ trợ vay vốn tín dụng chính sách

Đối tượng vay vốn hỗ trợ đất ở bao gồm:

- + Hộ nghèo dân tộc thiểu số.
- + Hộ nghèo dân tộc Kinh cư trú hợp pháp ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Điều kiện vay vốn: Đối tượng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:
 - + Cư trú hợp pháp tại địa phương và có tên trong danh sách hộ gia đình được

thụ hưởng chính sách hỗ trợ về đất ở do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

+ Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

+ Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

- Mục đích sử dụng vốn vay: Khách hàng được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí để có đất ở.

- Mức cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 50 triệu đồng/hộ.

- Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận, nhưng tối đa là 15 năm.

Trong 5 năm đầu, khách hàng chưa phải trả nợ gốc.

- Lãi suất cho vay
- + Lãi suất cho vay bằng 3%/năm.
- + Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

UBND cấp xã bố trí ngân sách địa phương và thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ được hỗ trợ đất ở theo quy định.

MỤC 3: HỖ TRỢ NHÀ Ở

Câu 12: Những đối tượng nào được hỗ trợ nhà ở?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 6 Thông tư 05/2025/TT-BDTT, những đối tượng sau đây được hỗ trợ nhà ở:

1. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ; hộ nghèo dân tộc kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn , thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng.

2. Hộ được hỗ trợ đất ở thì được đồng thời xem xét hỗ trợ nhà ở.

Câu 13: Việc hỗ trợ đất ở được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 7 Thông tư 05/2025/TT-BDTT&G, nội dung hỗ trợ và cách thức thực hiện hỗ trợ đất ở như sau:

1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới 01 căn nhà theo phong tục tập quán của địa phương đáp ứng yêu cầu về chất lượng nhà ở theo quy định tại Điều 4 Thông tư số

01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2022/TT-BXD).

Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 4 Quyết định số 04/2023/QĐ- TTg; cơ chế hỗ trợ áp dụng cơ chế đặc thù trong hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP. Cụ thể:

1.1. Yêu cầu chất lượng về nhà ở sau khi được hỗ trợ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2022/TT-BXD:

a) Sau khi được hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa, nhà ở phải đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m², đảm bảo “3 cứng” (nền - móng cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

b) Các bộ phận nền - móng, khung - tường, mái của căn nhà phải được làm từ các loại vật liệu có chất lượng tốt, không làm từ các loại vật liệu tạm, mau hỏng, dễ cháy. Cụ thể:

- “Nền - móng cứng” là nền - móng nhà làm bằng các loại vật liệu có tác dụng làm tăng độ cứng của nền như: vữa xi măng - cát, bê tông, bê tông cốt thép, xây gạch/đá, gạch lát, gỗ;

- “Khung - tường cứng” bao gồm hệ thống khung, cột, tường. Tùy điều kiện cụ thể, khung, cột được làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bèn

chắc; tường xây gạch/đá hoặc làm từ gỗ bền chắc;

- “Mái cứng” gồm hệ thống đỡ mái và mái lợp. Tùy điều kiện cụ thể, hệ thống đỡ mái có thể làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc. Mái làm bằng bê tông cốt thép, lợp ngói. Trường hợp mái bằng tôn lợp giả ngói, tôn lạnh, tôn cách nhiệt, tôn cán sóng và có kết cấu đỡ chắc chắn (khung sắt, gỗ...) liên kết bền chặt với tường xây, cột bê tông cốt thép thì mái tôn trong trường hợp này được coi là vật liệu bền chắc;

Tùy điều kiện thực tế, các bộ phận nhà ở có thể làm bằng các loại vật liệu có chất lượng tương đương có sẵn tại địa phương đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đảm bảo thời hạn sử dụng. Ủy ban nhân dân các tỉnh (hoặc ủy quyền cho Sở Xây dựng) quy định chủng loại vật liệu địa

phương cụ thể (nếu có), báo cáo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

1.2. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Quyết định số 04/2023/QĐ- TTg

- Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/hộ để xây dựng 01 căn nhà theo phong tục tập quán của địa phương, bảo đảm 3 cứng (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng).

- Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu 04 triệu đồng/hộ để xây dựng 01 căn nhà theo phong tục tập quán của địa phương, bảo đảm 3 cứng (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng).

1.3. Cơ chế hỗ trợ áp dụng cơ chế đặc thù trong hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP

- Sử dụng vốn đầu tư công để hỗ trợ trực tiếp bằng tiền, theo định mức cho một số đối tượng chính sách thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia để tự thực hiện đầu tư, không quản lý theo hình thức dự án đầu tư. Tài sản hình thành sau đầu tư không là tài sản công.

- Phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm thực hiện chính sách theo quy định Điều 6, Điều 7 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

- Mục tiêu, nội dung, đối tượng, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước của từng chính sách thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Điều kiện, yêu cầu kỹ thuật (nếu có) của từng chính sách thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

- Tổng hợp, rà soát, thẩm định và quyết định danh sách đối tượng hỗ trợ:

Ủy ban nhân dân cấp xã công khai thông tin chính sách, rà soát, thẩm định, tổng hợp Danh sách đối tượng chính sách có nhu cầu được hỗ trợ đảm bảo phù hợp với nội dung, đối tượng, nguyên tắc, tiêu chí theo quy định từng chính sách, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt danh sách đối tượng chính sách.

Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các cơ quan liên quan ở địa phương có trách nhiệm công khai danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách, mức hỗ trợ theo từng nội dung chính sách hỗ trợ tại trụ sở làm việc.

- Tổ chức rút dự toán, thanh toán cho đối tượng chính sách:

Căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm được cơ quan có thẩm quyền giao, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rút dự toán tại Kho

bạc Nhà nước để thanh toán trực tiếp bằng tiền cho đối tượng chính sách theo từng lần thanh toán. Trường hợp sau 30 ngày rút dự toán chưa hoàn thành thanh toán cho đối tượng chính sách, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp lại Kho bạc Nhà nước số tiền chưa được thanh toán.

Việc thanh toán vốn thực hiện chính sách đất ở, đất sản xuất cho một (01) đối tượng chính sách chỉ thực hiện một lần duy nhất bằng 100% mức hỗ trợ. Việc thanh toán hỗ trợ xây mới nhà ở trong thực hiện chính sách nhà ở cho một (01) đối tượng chính sách thực hiện hai lần; thanh toán lần đầu (lần 1) sau khi đối tượng chính sách hoàn thành phần móng nhà ở, mức thanh toán tối đa không quá 70% mức hỗ trợ theo quy định; thanh toán phần còn lại của mức hỗ trợ (lần 2) sau khi đối tượng chính sách hoàn thành xây mới nhà ở.

Việc thanh toán các chính sách hỗ trợ khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiến độ, điều kiện thanh toán cho một (01) đối tượng chính sách một lần duy nhất, hoặc phân kỳ thanh toán nhưng không quá hai (02) lần. Trường hợp phân kỳ thanh toán, thực hiện thanh toán lần đầu (lần 1) sau khi đối tượng chính sách đã hoàn thành một khối lượng công việc nhất định theo tiến độ, mức thanh toán tối đa không quá 70% mức hỗ trợ theo quy định; thanh toán phần còn lại của mức hỗ trợ (lần 2) sau khi đối tượng chính sách hoàn thành việc đầu tư.

- Lập hồ sơ theo dõi tiến độ thực hiện chính sách và hồ sơ thanh toán cho đối tượng chính sách:

Hồ sơ theo dõi tiến độ thực hiện chính sách bao gồm: Sổ theo dõi tiến độ thực hiện của đối tượng chính sách từ thời điểm hỗ trợ lần đầu đến thời điểm hoàn thành

thanh toán, quyết toán vốn hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã; bản sao (được công chứng) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất mang tên đối tượng chính sách được cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc biên bản xác nhận kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ giữa Ban quản lý xã và từng đối tượng chính sách theo Mẫu số 01 kèm theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP; các tài liệu khác có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có); hồ sơ thanh toán; danh sách đối tượng chính sách ký nhận tiền hỗ trợ và chứng từ xác nhận việc thanh toán. Hồ sơ theo dõi tiến độ thực hiện chính sách được lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Hồ sơ thanh toán bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán theo Mẫu số 02, bảng kê danh sách các đối tượng chính sách và

mức hỗ trợ cho hộ gia đình (có ký xác nhận của đối tượng chính sách, hoặc người được đối tượng chính sách ủy quyền, hoặc chủ hộ gia đình) theo Mẫu số 03 kèm theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP; kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm được cấp có thẩm quyền giao, danh sách các đối tượng chính sách được hỗ trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hồ sơ thanh toán được lập thành 02 bộ, 01 bộ gửi Kho bạc Nhà nước để rút dự toán thanh toán cho đối tượng chính sách; 01 bộ lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện đầu tư của các đối tượng chính sách. Trường hợp đến hết giai đoạn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, đối tượng chính sách đã nhận thanh toán lần đầu nhưng chưa thực hiện các thủ tục thanh toán phần còn lại theo

định mức, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản đến đối tượng chính sách yêu cầu thực hiện các thủ tục nghiệm thu kết quả đầu tư, làm thủ tục thanh toán vốn còn lại của mức hỗ trợ theo quy định.

Sau ba (03) lần thông báo, đối tượng chính sách không thực hiện các thủ tục nghiệm thu kết quả đầu tư, thanh toán vốn hỗ trợ còn lại, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quyết toán số tiền đã thanh toán; không thanh toán số tiền hỗ trợ còn lại (nếu có) của đối tượng chính sách.

đ) Thanh toán, quyết toán vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, các quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Hỗ trợ vay vốn để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở hiện có đáp ứng yêu cầu về chất lượng nhà ở theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2022/TT-BXD. Nội dung cho vay hỗ trợ nhà ở quy định tại các Điều 14, 15, 16, 17, 18 và 19 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP.

2.1. Yêu cầu chất lượng về nhà ở sau khi được hỗ trợ

a) Sau khi được hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa, nhà ở phải đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m², đảm bảo “3 cứng” (nền - móng cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

b) Các bộ phận nền - móng, khung - tường, mái của căn nhà phải được làm từ các loại vật liệu có chất lượng tốt, không làm từ các loại vật liệu tạm, mau hỏng, dễ cháy. Cụ thể:

- “Nền - móng cứng” là nền - móng nhà làm bằng các loại vật liệu có tác dụng làm tăng độ cứng của nền như: vữa xi măng - cát, bê tông, bê tông cốt thép, xây gạch/đá, gạch lát, gỗ;

- “Khung - tường cứng” bao gồm hệ thống khung, cột, tường. Tùy điều kiện cụ thể, khung, cột được làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc; tường xây gạch/đá hoặc làm từ gỗ bền chắc;

- “Mái cứng” gồm hệ thống đỡ mái và mái lợp. Tùy điều kiện cụ thể, hệ thống đỡ mái có thể làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc. Mái làm bằng bê tông cốt thép, lợp ngói. Trường hợp mái bằng tôn lợp giả ngói, tôn lạnh, tôn cách nhiệt, tôn cán sóng và có kết cấu đỡ chắc chắn (khung sắt, gỗ...) liên kết bền chặt với tường xây, cột bê tông cốt thép thì

mái tôn trong trường hợp này được coi là vật liệu bền chắc;

Tùy điều kiện thực tế, các bộ phận nhà ở có thể làm bằng các loại vật liệu có chất lượng tương đương có sẵn tại địa phương đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đảm bảo thời hạn sử dụng. Ủy ban nhân dân các tỉnh (hoặc ủy quyền cho Sở Xây dựng) quy định chủng loại vật liệu địa phương cụ thể (nếu có), báo cáo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Lưu ý:

- Đối tượng vay vốn hỗ trợ nhà ở bao gồm:

+ Hộ nghèo dân tộc thiểu số.

+ Hộ nghèo dân tộc Kinh cư trú hợp pháp ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Điều kiện vay vốn: Đối tượng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

+ Cư trú hợp pháp tại địa phương và có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

+ Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

- Mục đích sử dụng vốn vay: Khách hàng được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở.

- Mức cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 40 triệu đồng/hộ.

- Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận, nhưng tối đa là 15 năm. Trong 5 năm đầu, khách hàng chưa phải trả nợ gốc.

- Lãi suất cho vay

+ Lãi suất cho vay bằng 3%/năm.

+ Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương, căn cứ nguyện vọng của các đối tượng thụ hưởng, UBND cấp xã hướng dẫn các hộ gia đình tự tổ chức xây dựng mới nhà ở bằng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, vốn vay tín dụng của Ngân hàng Chính sách Xã hội và nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có); hướng dẫn các hộ gia đình tự tổ chức sửa chữa, cải tạo nhà ở từ nguồn vay vốn tín dụng của Ngân hàng Chính sách Xã hội và nguồn vốn hợp pháp

khác (nếu có). Trường hợp người dân không thể tự xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở, UBND cấp xã chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức đoàn thể xã hội hỗ trợ các đối tượng thụ hưởng xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở đảm bảo yêu cầu về chất lượng nhà ở theo quy định.

MỤC IV: HỖ TRỢ ĐẤT SẢN XUẤT, CHUYÊN NGHIỆP

Câu 14: Những đối tượng nào được hỗ trợ đất sản xuất?

Trả lời:

Theo quy định tại điều 8 Thông tư 05/2025/TT-BD TTG, những đối tượng sau đây được hỗ trợ đất sản xuất:

1. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ; hộ nghèo dân tộc kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn , thôn đặc biệt khó khăn vùng

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp chưa có đất sản xuất, có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất thì được chính quyền địa phương xem xét hỗ trợ trực tiếp bằng đất sản xuất.

2. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi ; hộ nghèo dân tộc kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn , thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp chưa có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của từng địa phương, có nhu cầu chuyển đổi nghề hoặc có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất nhưng không bố trí được đất sản xuất thì được xem xét, hỗ trợ chuyển đổi nghề.

UBND cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất, điều kiện thực tế của địa phương để quy

định định mức đất sản xuất nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp cho mỗi hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật về đất đai làm cơ sở xác định hộ gia đình thiếu đất sản xuất.

Câu 15: Việc hỗ trợ đất sản xuất được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại điều 9 Thông tư 05/2025/TT-BD TTG, nội dung hỗ trợ và cách thức thực hiện hỗ trợ đất sản xuất như sau:

1. Hỗ trợ trực tiếp bằng đất sản xuất

1.1. Trường hợp địa phương còn quỹ đất có khả năng sản xuất mà không cần phải thực hiện khai hoang, phục hóa, cải tạo đất, UBND cấp xã căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thực hiện giao đất sản xuất cho các hộ thuộc đối

tượng thụ hưởng chính sách chưa có đất sản xuất theo quy định của pháp luật về đất đai.

1.2. Trường hợp địa phương còn quỹ đất sản xuất nhưng phải khai hoang, phục hóa, cải tạo đất để có khả năng sản xuất, UBND cấp xã chỉ đạo tổ chức lập và thực hiện dự án khai hoang, phục hóa, cải tạo đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt để giao đất sản xuất cho các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách chưa có đất sản xuất theo quy định của pháp luật về đất đai. Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương để thực hiện dự án khai hoang, phục hóa, cải tạo đất quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg. Cụ thể:

- Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 22,5 triệu đồng/hộ để thực hiện dự án khai

hoang, phục hóa, cải tạo đất để giao đất có khả năng sản xuất.

1.3. Các hộ thuộc đối tượng hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này nhưng chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất, có nhu cầu vay vốn để tạo quỹ đất sản xuất thì được xem xét vay vốn tín dụng từ Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24 và 25 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP và không được hỗ trợ chuyển đổi nghề. Cụ thể:

a) Các hộ thuộc đối tượng hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất là hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ; hộ nghèo dân tộc kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn , thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư

ng nghiệp chưa có đất sản xuất, có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất thì được chính quyền địa phương xem xét hỗ trợ trực tiếp bằng đất sản xuất.

b) Đối tượng vay vốn hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề bao gồm:

- Hộ nghèo dân tộc thiểu số.

- Hộ nghèo dân tộc Kinh cư trú hợp pháp ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Điều kiện vay vốn

Đối tượng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Cư trú hợp pháp tại địa phương và có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ đất sản xuất hoặc danh sách hộ gia đình được thụ

hưởng chính sách hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

- Đối tượng vay vốn chỉ được thụ hưởng một trong hai chính sách hỗ trợ đất sản xuất hoặc hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề.

d) Mục đích sử dụng vốn vay: Khách hàng được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí tạo quỹ đất sản xuất hoặc chi phí học nghề, chuyển đổi nghề.

đ) Mức cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa

thuận nhưng không vượt quá 77,5 triệu đồng/hộ.

e) Mức cho vay chuyển đổi nghề do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận tối đa bằng mức cho vay phục vụ sản xuất, kinh doanh đối với hộ nghèo được quy định trong từng thời kỳ. Mức cho vay chi phí học nghề tối đa bằng mức cho vay áp dụng đối với chính sách tín dụng học sinh, sinh viên quy định trong từng thời kỳ.

g) Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận tối đa là 10 năm.

h) Lãi suất cho vay

- Lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

1.4. UBND cấp xã bố trí ngân sách địa phương và thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ được hỗ trợ đất sản xuất theo quy định.

2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề

2.1. Các hộ thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này được xem xét, hỗ trợ mua sắm nông cụ, máy móc, làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi sang làm các ngành nghề trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh khác hoặc hỗ trợ học nghề để chuyển đổi nghề và được vay vốn tín dụng theo quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24 và 25 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP. Cụ thể:

a) Các hộ thuộc đối tượng là hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi ; hộ nghèo dân tộc kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn , thôn đặc biệt khó khăn

vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp chưa có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của từng địa phương, có nhu cầu chuyển đổi nghề hoặc có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất nhưng không bố trí được đất sản xuất thì được xem xét, hỗ trợ chuyển đổi nghề.

UBND cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất, điều kiện thực tế của địa phương để quy định định mức đất sản xuất nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp cho mỗi hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật về đất đai làm cơ sở xác định hộ gia đình thiếu đất sản xuất.

b) Đối tượng vay vốn hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề bao gồm:

- Hộ nghèo dân tộc thiểu số.
- Hộ nghèo dân tộc Kinh cư trú hợp pháp ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt

khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Điều kiện vay vốn

Đối tượng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Cư trú hợp pháp tại địa phương và có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ đất sản xuất hoặc danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

- Đối tượng vay vốn chỉ được thụ hưởng một trong hai chính sách hỗ trợ đất sản xuất hoặc hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề.

d) Mục đích sử dụng vốn vay: Khách hàng được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí tạo quỹ đất sản xuất hoặc chi phí học nghề, chuyển đổi nghề.

đ) Mức cho vay

- Mức cho vay hỗ trợ đất sản xuất do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 77,5 triệu đồng/hộ.

- Mức cho vay chuyển đổi nghề do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận tối đa bằng mức cho vay phục vụ sản xuất, kinh doanh đối với hộ nghèo được quy định trong từng thời kỳ. Mức cho vay chi phí học nghề tối đa bằng mức cho vay áp dụng đối với

chính sách tín dụng học sinh, sinh viên quy định trong từng thời kỳ.

e) Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận tối đa là 10 năm.

g) Lãi suất cho vay

- Lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

2.2. Căn cứ danh sách các hộ dân được hỗ trợ chuyển đổi nghề đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, danh sách các hộ dân đăng ký phương thức hỗ trợ (bằng tiền, hiện vật hoặc học nghề), UBND cấp xã tổng hợp nhu cầu và phân loại theo từng phương thức thực hiện gửi Cơ quan làm công tác dân tộc và tôn giáo cấp tỉnh

chủ trì, phối hợp với Sở tài chính tổng hợp, báo cáo UBND cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cho từng hộ dân (mỗi hộ chỉ được hỗ trợ 01 lần).

Trường hợp các hộ dân nhận hỗ trợ bằng tiền, UBND cấp xã hướng dẫn các hộ dân tự mua sắm nông cụ, máy móc, làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, học nghề, chuyển đổi sang làm các ngành nghề trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất kinh doanh khác theo nhu cầu đã đăng ký và thực hiện thanh quyết toán theo quy định. Trường hợp các hộ đăng ký nhận hỗ trợ bằng hiện vật, UBND cấp tỉnh căn cứ nhu cầu, chỉ đạo cơ quan chuyên môn hoặc UBND cấp xã tổ chức mua sắm theo quy định của pháp luật và thực hiện cấp phát cho các hộ dân. Trường hợp các hộ đăng ký học nghề, UBND cấp xã tổng hợp, phối hợp với các cơ sở đào tạo hỗ trợ đào tạo nghề cho các hộ dân theo quy định.

MỤC V: HỖ TRỢ NƯỚC SINH HOẠT

Câu 16: Những đối tượng nào được hỗ trợ nước sinh hoạt?

Trả lời:

Theo quy định tại điều 10 Thông tư 05/2025/TT-BD TTG, những đối tượng sau đây được hỗ trợ nước sinh hoạt:

1. Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Hộ dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ; hộ nghèo dân tộc kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn , thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có khó khăn về nước sinh hoạt.

2. hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: khu vực đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống thành cộng đồng (xóm, thôn, bản, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi) chưa có nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh, phù hợp xây dựng công trình

nước sinh hoạt tập trung, địa bàn chưa được đầu tư các công trình nước sinh hoạt tập trung thì được xem xét, hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung. Trường hợp đã được hỗ trợ công trình nước sinh hoạt theo các chương trình, chính sách hỗ trợ khác nhưng hiện nay đã hư hỏng nặng, không sử dụng được thì được xem xét, đầu tư.

Câu 17: Việc hỗ trợ nước sinh hoạt được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại điều 11 Thông tư 05/2025/TT-BD TTG, nội dung hỗ trợ và cách thức thực hiện hỗ trợ nước sinh hoạt như sau:

1. Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán

1.1. Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này thì được xem xét hỗ trợ để tạo nguồn nước phục vụ sinh

hoạt hoặc mua sắm vật dụng chứa nước sinh hoạt. (Cụ thể: Đối tượng là Hộ dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ; hộ nghèo dân tộc kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn , thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có khó khăn về nước sinh hoạt).

1.2. Cách thức hỗ trợ nước sinh hoạt được sử dụng linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của từng thôn, xã và điều kiện sinh hoạt của hộ gia đình như: đào giếng, mua vật dụng dẫn nước, trữ nước (lũ, bồn, téc, vật dụng chứa nước; tự làm bể chứa nước) hoặc tự tạo nguồn nước khác đảm bảo nguyên tắc các hộ được hỗ trợ kinh phí phải có nước sinh hoạt ổn định và được bố trí ở khu vực thuận tiện cho sinh hoạt gia đình.

1.3. Tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương, căn cứ nguyện vọng của

các đối tượng thụ hưởng, có thể tiến hành hỗ trợ theo nhóm hộ để xây dựng những công trình sử dụng chung, nhóm hộ phải tự nguyện, cam kết bảo dưỡng và duy trì công trình, đảm bảo có nguồn nước ổn định, số lượng thành viên nhóm hộ trên cơ sở bàn bạc, thống nhất của người dân.

2. Hỗ trợ công trình nước sinh hoạt tập trung

Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này* được hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung theo quy định hiện hành đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho người dân. UBND cấp tỉnh chỉ đạo UBND cấp xã tiến hành rà soát, lập hồ sơ chi tiết trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Địa phương chủ động bố trí kinh phí duy tu bảo dưỡng, vận hành khi công trình đưa vào sử dụng.

(*: đối tượng thuộc Khu vực đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống thành cộng đồng (xóm, thôn, bản, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi) chưa có nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh, phù hợp xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung, địa bàn chưa được đầu tư các công trình nước sinh hoạt tập trung thì được xem xét, hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung. Trường hợp đã được hỗ trợ công trình nước sinh hoạt theo các chương trình, chính sách hỗ trợ khác nhưng hiện nay đã hư hỏng nặng, không sử dụng được thì được xem xét, đầu tư.).

**Phụ lục 01: Tổng hợp văn bản
quy phạm pháp luật**

STT	Tên văn bản quy phạm pháp luật
1	Luật Đất đai 2024
2	Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 về chính sách hỗ trợ đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số, gồm giao đất ở, đất nông nghiệp lần đầu miễn tiền sử dụng đất và điều chỉnh đất ở, đất sản xuất.
3	Thông tư 05/2025/TT-BD TTG hướng dẫn thực hiện dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

4	Quyết định số 04/QĐ-TTg ngày 23/2/2023 của Thủ tướng về mức và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để giải quyết thiếu nhà ở cho đồng bào dân tộc trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030.
5	Thông tư 15/2022/TT-BTC hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề trong Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030.
6	Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định chi tiết việc hỗ trợ chuyển đổi nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số.

HỎI – ĐÁP
MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ NHÀ
Ở, ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC
SINH HOẠT CHO NGƯỜI DÂN TỘC
THiểu số

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung
Nguyễn Chính Nghĩa
Quyền Giám đốc Sở Tư pháp

Biên tập nội dung
Phòng Tổng hợp và Phổ biến,
giáo dục pháp luật, Sở Tư pháp

In 6500 quyển, khuôn khổ 10 cm x 14 cm tại công ty Cổ phần In và Bao bì Quảng Ninh (Địa chỉ: Ô số 11, Lô 18, khu dân cư du lịch Đông Hùng Thắng, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh)

Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh số 206/GP-SVHTTDL do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02 tháng 12 năm 2025

